

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/KDTM-ST

Ngày 08-4-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Trí

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Diệp Ngọc Dinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2023/TLST-KDTM ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 3 năm 2024, và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-KDTM ngày 04 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH T1; địa chỉ: Số I, đường H, Khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm 1993; địa chỉ: Số I, đường H, Khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH T1 (theo giấy ủy quyền ngày 20/10/2023), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần P; địa chỉ: Số F đường N, K, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang M; Chức vụ: Tổng giám đốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án người đại diện của nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày:**

Ngày 22/3/2022, giữa Công ty TNHH T1 (gọi tắt Công ty T1) với Công ty cổ

phần P (gọi tắt Công ty P) có ký với nhau Hợp đồng nguyên tắc số 112/2022/HĐ/HB-PNC, nội dung cụ thể như sau:

- + Công ty Hồ Bửu bán các loại thép dùng trong xây dựng được sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN, ASTM..., thép VAS, thép M1..., chi tiết hàng hóa được xác nhận theo từng đơn đặt hàng;

- + Giá cả được hai bên thỏa thuận theo từng thời điểm và áp dụng cho từng lô hàng;

- + Thời gian giao nhận trên cơ sở đơn đặt hàng của bên Công ty P, còn Công ty T1 sẽ báo giá và thông báo lịch giao hàng cho bên Công ty P;

- + Địa điểm giao hàng: Giao lên xe Công ty P tại kho bên Công ty H1 thỏa thuận khác theo từng đơn hàng cụ thể trên báo giá;

- + Phương thức giao nhận: Công ty T1 chỉ giao hàng khi thông tin người nhận hàng trùng khớp với thông tin được cung cấp;

- + Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản;

- + Thời gian thanh toán: Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi giao nhận hàng hoặc thanh toán trước 70% giá trị đơn hàng, 30% giá trị còn lại thanh toán ngay sau khi nhận hàng. Nếu quá hạn thanh toán thì bên mua phải chịu 0,05%/ngày. Thời gian quá hạn không quá 15 ngày.

Ngày 14/6/2022, Công ty P đã đặt đơn hàng – Phiếu BH00741/ST và xác nhận số tiền còn lại của đơn hàng này là 241.343.314đ, số tiền này phải thanh toán đủ trước ngày 15/7/2022.

Tuy nhiên, do phía Công ty P không thanh toán đúng thỏa thuận nên Công ty T1 đã nhiều lần gửi biên bản đối chiếu công nợ và giấy đề nghị thanh toán. Phía Công ty P cũng đã gửi nhiều công văn cho Công ty T1 xác nhận số tiền đang nợ và xin thời gian trả nợ do đang gặp khó khăn nhưng đến nay vẫn không trả nên buộc Công ty T1 phải khởi kiện yêu cầu Công ty P thanh toán cho Công ty T1 số tiền nợ gốc 241.343.319đ, tiền lãi tính từ ngày 16/7/2022 đến ngày 15/3/2024 là 609 ngày x 0.05%/ngày = 73.489.041đ. Ngoài ra, bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

*** Tại bản tự khai đề ngày 25/01/2024, bà Nguyễn Thị Lê T đại diện bị đơn Công ty cổ phần P (đại diện làm việc với Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo quyết định Ủy thác thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một) trình bày:** Ngày 22/3/2022, giữa Công ty TNHH T1 (gọi tắt Công ty T1) với Công ty cổ phần P (gọi tắt Công ty P) có ký với nhau Hợp đồng nguyên tắc số 112/2022/HĐ/HB-PNC. Căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ ngày 29/3/2023 và sổ chi tiết các tài khoản của Công ty P đến ngày 31/01/2024 thì tổng số tiền Công ty P mua hàng của Công ty T1 là 1.501.099.152đ, phía Công ty P đã thanh toán 1.259.755.833đ, số tiền còn lại đang nợ là 241.343.319đ. Do tình hình chung khi bất động sản bị đóng băng, Công ty P không bán được nhà đất và cũng không thu được công nợ từ khách hàng nên không có tiền để trả cho Công ty T1, phía Công ty P đã có nhiều công văn gửi cho Công ty H2 thời gian để trả và Công ty P đã xây dựng kế hoạch tài chính để thanh toán cho công ty T1 trong quý 2, 3/2024.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực

hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đặt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật, Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1 đối với bị đơn Công ty P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 27/10/2023 Công ty T1 có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty P phải thanh toán tiền nợ và tiền lãi theo Hợp đồng nguyên tắc số 112/2022/HĐ/HB-PNC ngày 22/3/2022 nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại Điều 24 của Luật thương mại năm 2005, quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền: Bị đơn Công ty P có địa chỉ trụ sở tại phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên, theo Hợp đồng nguyên tắc mà hai bên thỏa thuận thì trường hợp xảy ra tranh chấp, vụ việc do Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một giải quyết nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về việc tham gia của đương sự tại phiên tòa: Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng Công ty P vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về hợp đồng mà hai bên đã ký kết: Ngày 22/3/2022 giữa Công ty T1 với Công ty P ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 112/2022/HĐ/HB-PNC, theo đó Công ty H3 cho Công ty P các loại thép dùng trong xây dựng được sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN, ASTM..., thép VAS, thép M1..., chi tiết hàng hóa được xác nhận theo từng đơn đặt hàng.

Như vậy, Hợp đồng nguyên tắc mà hai bên ký kết được lập thành văn bản, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và tuân thủ đúng quy định tại Điều 116, 119, 430 của Bộ luật Dân sự; các Điều 19, 24, Điều 25 của Luật thương mại nên phát sinh hiệu lực.

[2.2]. Về số tiền mà nguyên đơn yêu cầu:

[2.2.1]. Về số tiền nợ gốc: Ngày 22/3/2022 Công ty T1 với Công ty P ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 112/2022/HĐ/HB-PNC, theo đó Công ty H3 cho Công ty P các loại thép dùng trong xây dựng được sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN, ASTM..., thép VAS, thép M1..., chi tiết hàng hóa được xác nhận theo từng đơn đặt hàng.

Phía nguyên đơn đã giao hàng cho bị đơn theo thỏa thuận. Sau đó hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ và xác nhận số tiền bị đơn đang nợ của nguyên đơn số tiền 241.343.319đ.

Xét thấy: Theo như hợp đồng nguyên tắc mà hai bên đã thỏa thuận thì thời gian thanh toán: Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi giao nhận hàng hoặc thanh toán trước 70% giá trị đơn hàng, 30% giá trị còn lại thanh toán ngay sau khi nhận hàng. Thời gian quá hạn không quá 15 ngày.

Ngày 14/6/2022, phía bị đơn đã đặt hàng để mua hàng của nguyên đơn và phía nguyên đơn đã giao hàng đúng như thỏa thuận. Ngày 14/7/2022, hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ và xác nhận bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 241.343.319đ. Trong khi theo thỏa thuận của hợp đồng thời gian thanh toán không quá 15 ngày nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn. Tại bản tự khai ngày 25/01/2024, đại diện bị đơn cũng xác định số tiền hiện bị đơn đang nợ của nguyên đơn là 241.343.319đ nhưng do đang gặp khó khăn nên chưa trả được nên Công ty P đã xây dựng kế hoạch tài chính để thanh toán cho công ty T1 trong quý 2, 3/2024 nhưng không được nguyên đơn chấp nhận.

Như vậy, số tiền nợ gốc 241.343.319đ đến nay bị đơn chưa thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 241.343.319đ theo Hợp đồng nguyên tắc số 112/2022/HĐ/HB-PNC ngày 22/3/2022 là phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2.1]. Về lãi suất chậm thanh toán: Theo như Hợp đồng nguyên tắc số 112/2022/HĐ/HB-PNC ngày 22/3/2022 mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án thì tại khoản 3.2 Điều 3 của Hợp đồng thì hai bên thỏa thuận lãi chậm trả là 0,05%/ngày. Theo như Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2022, 18/10/2022, 30/11/2022 mà hai bên ký kết vẫn thể hiện lãi suất chậm trả là 0,05%.

Tuy nhiên, theo như Hợp đồng nguyên tắc số 112/2022/HĐ/HB-PNC ngày 22/3/2022 mà bị đơn cung cấp thì tại khoản 3.2 Điều 3 của Hợp đồng lại không có nội dung thỏa thuận về lãi chậm trả. Hợp đồng mà bị đơn cung cấp chỉ là bản phô tô, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do và cũng không có bản ý kiến trình bày. Đến ngày 29/12/2023, Tòa án đã có Quyết định số 05/2023/QĐ-UTTA ủy thác cho Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An tiến hành làm việc với bị đơn. Tòa án nhân dân thành phố Vinh tiến hành làm việc thì đại diện bị đơn mới có Bản tự khai đề ngày 25/01/2024 trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cung cấp bản phô tô Hợp đồng nguyên tắc số 112/2022/HĐ/HB-PNC ngày 22/3/2022; bản phô tô Công văn số 20723/PNC-CV ngày 20/7/2023, bản phô tô Giấy đề nghị thanh toán 29/3/2023.

Ngoài ra, qua xem xét hợp đồng nguyên tắc mà bị đơn cung cấp thì có nhiều nội dung khác so với Hợp đồng nguyên tắc mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án. Do đây là bản phô tô không có giá trị pháp lý nên Tòa án căn cứ vào Hợp đồng nguyên tắc do nguyên đơn cung cấp để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày 04/4/2024, ông Trần Tiến A - Nhân viên Công ty P đến để tham gia phiên tòa nhưng không có văn bản ủy quyền của Công ty P mà chỉ có giấy giới thiệu nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Ông A có đơn đề nghị hoãn phiên tòa để cung cấp văn bản ủy quyền và tài liệu chứng cứ kèm theo để được tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa nhưng đến ngày mở phiên tòa bị đơn không cung cấp văn bản ủy quyền và tài liệu chứng cứ kèm theo, cũng không có ai đại diện để tham gia phiên tòa nên được coi là tự bỏ quyền trình bày và yêu cầu của mình.

Theo như khoản 3.2 Điều 3 của Hợp đồng nguyên tắc số 112/2022/HĐ/HB-PNC ngày 22/3/2022 và Biên bản đối chiếu công nợ các ngày 30/9/2022, 18/10/2022, 30/11/2022 thì các bên thỏa thuận lãi suất chậm thanh toán là 0,05%/ngày (tương đương 1,5%/tháng, 18%/năm) tương ứng với số tiền chậm thanh toán.

Căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 ngân hàng thương mại (Ngân hàng TMCP N; Ngân hàng N1; Ngân hàng TMCP C) thì mức lãi suất là 15,1%/năm, tương đương 1,25%/tháng, tương đương 0,04%/ ngày.

Như vậy, mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận cao hơn lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 ngân hàng thương mại.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 306 của Luật thương mại, quy định quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*.

Đối chiếu với quy định nêu trên thì do trong hợp đồng nguyên tắc mà hai bên đã ký kết có thỏa thuận về lãi suất 0,05%/ngày. Việc thỏa thuận của hai bên là toàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, phù hợp với Điều 306 Luật thương mại năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, tiền lãi chậm trả với mức lãi 0,05%/ngày tính từ ngày vi phạm ngày 16/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 08/4/2024 là 623 ngày x 241.343.319đ x 0,05%/ngày = 75.178.444đ.

[2.4]. Như vậy tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 241.343.319đ + 75.178.444đ = 316.521.763đ.

[3]. Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1 đối với bị đơn Công ty P về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[5]. Án phí sơ thẩm: Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 235, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 351, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 24; Điều 50; khoản 1 Điều 55; Điều 306 và Điều 319 Luật Thương mại 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T2 việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” đối với bị đơn Công ty cổ phần P.

Công ty cổ phần P có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH T1 số tiền nợ gốc 241.343.319đ (Hai trăm bốn mươi một triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm mười chín đồng), tiền lãi 75.178.444đ (Bảy mươi lăm triệu một trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng), tổng cộng 316.521.763đ (Ba trăm mười sáu triệu năm trăm hai mươi một nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty cổ phần P phải chịu số tiền 15.826.000đ (Mười lăm triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả lại cho Công ty TNHH T1 số tiền 7.445.000đ (Bảy triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000449 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị H

